

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/12/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Thanh Như

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Hưng

Bà Nguyễn Thị Bé Em

**Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hoa Hạ - Thư ký Tòa án.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre  
tham gia phiên tòa:** Ông Lại Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 339/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 202/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Kỳ G**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp M, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: số A đường L, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

(Ông G có đề nghị giải quyết vắng mặt; bà H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Lê Kỳ G trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: ông và vợ là bà Nguyễn Thị Thúy H sống chung với nhau vào năm 1999. Sau đó, ông và bà H tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2002 tại Ủy ban nhân dân phường M (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa chỉ số A đường L, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng

quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông sinh sống tại xã S còn bà H sinh sống tại phường A, vợ chồng mạnh ai nấy sống không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Nay, ông G xác định không còn tình cảm với bà H nên ông yêu cầu ly hôn bà H.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Nguyễn Khánh G, sinh ngày 05/09/2003, hiện con chung đang sống chung với bà H. Con chung đã trưởng thành, ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các giấy triệu tập cho bà Nguyễn Thị Thúy H theo đúng quy định nhưng bà H vắng mặt không có lý do.*

**Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014; các điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: ông G được ly hôn với bà H.
- Về con chung: có 01 con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung: ông G khai không có nên không xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

**Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật: căn cứ đơn khởi kiện ngày 14/10/2022 (BL 03) cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: tranh chấp ly hôn đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, căn cứ khoản 3 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H có nơi cư trú tại phường A, thành phố B, tỉnh

Bến Tre. Đối chiếu điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã triệu tập họp lệ nhiều lần bà H để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời Tòa án triệu tập bà H tham gia xét xử nhưng bà H vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

#### **Về nội dung:**

[4] Về quan hệ hôn nhân: vào năm 1999, ông G và bà H sống chung với nhau. Đến ngày 26/02/2002, ông G và bà H tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Bến Tre. Việc đăng ký kết hôn giữa ông G và bà H là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đã tuân thủ đúng theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông G yêu cầu ly hôn với bà H do không còn tình cảm và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà H nhiều lần đến Tòa án nhằm tạo điều kiện cho bà và ông G hòa giải đoàn tụ nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do. Từ đó, nhận thấy bà H có ý thức bỏ mặt việc ông G khởi kiện yêu cầu ly hôn và không có ý định hòa giải đoàn tụ. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông G và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông G là phù hợp.

[5] Về con chung: ông G và bà H có với nhau 01 con chung tên Lê Nguyễn Khánh G, sinh ngày 05/09/2003. Hội đồng xét xử xét thấy con chung đã trưởng thành, ông G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ông G khai không có nên không xem xét.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình với số tiền 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Kỳ G về việc “tranh chấp ly hôn” với bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Kỳ G được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy H.
- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Nguyễn Khánh G, sinh ngày 05/09/2003. Con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

- Về tài sản chung: ông Lê Kỳ G khai không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: ông Lê Kỳ G khai không có nên không xem xét.

2. Án phí: ông Lê Kỳ G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình với số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí số: ZYZ ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

3. Về quyền kháng cáo: ông Lê Kỳ G, bà Nguyễn Thị Thúy H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND phường A, thành phố B (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký, đóng dấu)**

**Huỳnh Thị Thanh Như**